

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày /08/2024  
của HĐQT của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

## MỤC LỤC

Chương I.....	1
<b>QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản.....	2
Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản.....	2
Chương II.....	2
<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>2</b>
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	2
Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	5
Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	6
Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	6
Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	8
Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Chương III.....	9
<b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>9</b>
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	12

Điều 21.	Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 22.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Chương IV.....		13
<b>TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>		<b>13</b>
Điều 23.	Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 24.	Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	13
Chương V.....		14
<b>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT.....</b>		<b>14</b>
Điều 25.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 26.	Đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 27.	Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 28.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	14
Chương VI.....		16
<b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG.....</b>		<b>16</b>
<b>CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>		<b>16</b>
Điều 29.	Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị.....	16
Điều 30.	Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro.....	17
Điều 31.	Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự.....	17
Chương VII.....		17
<b>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....</b>		<b>17</b>
Điều 32.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành.....	18
Điều 33.	Việc bổ nhiệm Người điều hành.....	19
Điều 34.	Ký hợp đồng lao động với Người điều hành.....	19
Điều 35.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	19
Điều 36.	Miễn nhiệm Người điều hành.....	20
Chương VIII.....		21
<b>QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....</b>		<b>21</b>
Điều 37.	Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành.....	21
Điều 38.	Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	22
Điều 39.	Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành.....	23

Chương IX.....	24
<b>DÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....</b>	<b>24</b>
Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành .....	24
Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động .....	24
Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ.....	25
Điều 43. Khen thưởng .....	25
Điều 44. Kỷ luật .....	25
Chương X.....	26
<b>NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG .....</b>	<b>26</b>
Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	26
Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng ..	26
Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	27
Chương XI.....	27
<b>NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....</b>	<b>27</b>
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng .....	27
Điều 49. Giao dịch với người có liên quan .....	27
Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng	28
Chương XII.....	28
<b>TÓ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>28</b>
Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.....	28

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2024,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày /08/2024 và thay thế Quyết định số .../QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/04/2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- NHNN (để b/cáo);
- Lưu: VT, CL&TKHDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**



## QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

### NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày /08/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

#### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định những vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”), bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Người điều hành;
5. Người phụ trách quản trị Ngân hàng;
6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
7. Báo cáo và công bố thông tin

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành Ngân hàng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.
3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Quản trị Ngân hàng:** là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;

c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan của cổ đông;

d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

2. **Cổ đông lớn của Ngân hàng:** là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.

3. **Người phụ trách quản trị Ngân hàng:** là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 46 Quy chế này.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản**

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

#### **Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản**

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông.

4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng.

## **Chương II**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**



1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày Ngân hàng gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông và phải lập xong chậm nhất 31 (ba mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

1.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã

số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác dự họp thay;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung hướng dẫn về cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông

báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Trường hợp cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật mà không dự họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

#### **Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

4. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ;

2. Định hướng và biện pháp triển khai trong thời gian tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

### **Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng;

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.

2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một “Thẻ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ

đồng sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

4. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc phiếu không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá 03 (ba) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Việc kiểm phiếu đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu vào từng thời điểm, Đại hội đồng cổ đông thống nhất chỉ định một tổ chức trung lập để thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất.

6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thư ký cuộc họp ghi chép và lập biên bản họp. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tất cả cổ đông của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về

những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục được quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

#### **Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết họp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại các Điều 38, 39 của Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban điều hành), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

#### **Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành.

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng

quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phương thức gửi biên bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Chương III**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ đại học trở lên;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó;

f) Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

(i) Người điều hành Ngân hàng;

(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không



đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

### **Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào Hội đồng quản trị phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);

- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

### **Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

### **Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Chết;
- b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
  - a) Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - b) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - c) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải

chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 22. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 21 Quy chế này, Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị Ngân hàng;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 Quy chế này;
  - c) Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

##### **Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trường Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 (một) bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

## **Chương V**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;
2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
3. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng;
4. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
5. Trường ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.t.

#### **Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

#### **Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.

#### **Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Chết;

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ



tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Trưởng Ban kiểm soát.

6. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.

8. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.

9. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

## **Chương VI**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**

#### **CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro;
- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro**

Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự**

Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự do Hội đồng quản trị ban hành.

## **Chương VII NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

## **Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành**

1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:

- a) Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;
- c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác, nằm trong quy hoạch nguồn cán bộ của Ngân hàng;
- d) Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;
- e) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;
- f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.
- h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;
- b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại



Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng

b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d) Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

4. Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

5. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng.

### **Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành**

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

### **Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành Ngân hàng không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

**Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp .

b) Chết.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng.

b) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm b khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, dự họp bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 59 Điều lệ.

5. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc

### **Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng**

Việc miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

## **Chương VIII**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành**

1. Quan hệ công tác trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí và các nội dung có liên quan khác thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Ngân hàng trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng). Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị nắm bắt đầy đủ nội dung.

b) Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.

c) Các phòng/ban/trung tâm có liên quan tại Trụ sở chính chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

2. Quan hệ công tác trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:

a) Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc Người điều hành Ngân hàng phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).

b) Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì,

người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

c) Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

d) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu.

e) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.

f) Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

g) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành Ngân hàng cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

3. Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.

### **Điều 38. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền

đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) đối với Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

### **Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành**

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.

2. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban điều hành và Người điều hành đó được phân công thực hiện.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành Ngân hàng cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

5. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

6. Tổng Giám đốc phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm

soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

7. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

## **Chương IX**

### **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

**Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành**

1. Tuỳ thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- a) Tự nhận xét đánh giá;
- b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng;
- c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
- d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tin nhiệm đột xuất;
- e) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh khác do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

4. Tổng giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

#### **Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động**

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;

2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp

hành Điều lệ Ngân hàng, chủ trương, chính sách của Ngân hàng và quy định của Pháp luật;

3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;

4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;

5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tin nhiệm với nhân viên.

#### **Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ**

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Ngân hàng.

#### **Điều 43. Khen thưởng**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

#### **Điều 44. Kỷ luật**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh

do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm. Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng có hiệu lực trong từng thời kỳ.

## **Chương X**

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG**

#### **Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

#### **Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;



i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

**Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

**Chương XI**

**NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

**Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các hợp đồng giao dịch của đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

**Điều 49. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết

hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát các hợp đồng, giao dịch mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.

#### **Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng**

1. Ngân hàng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

### **Chương XII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế**

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**BẢNG 3 - RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ**

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
<b>A</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH – CĂN CỨ</b>			
		<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;                      Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;                      Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;                      Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 16/BT2024/NQ-DHĐCĐ ngày 21/04/2023</p>	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số <b>59/2020/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;                      Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số <b>32/2024/QH15</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <b>18/01/2024</b>;  <del>Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</del>                      Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông <b>bất thường năm 2024</b> của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số <b>.../BT2024/NQ-DHĐCĐ ngày 19/08/2024</b></p>	<p>Chỉnh sửa căn cứ văn bản Luật Các Tổ chức tín dụng mới ban hành năm 2024 (Luật TCTD 2024) ban hành thay thế Luật Các Tổ chức tín dụng ban hành năm 2010 (Luật TCTD 2010).                      Bỏ Thông tư 13 do không quy định trực tiếp.                      Cập nhật thông tin về Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ khi văn bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
<b>B</b>	<b>NỘI DUNG QUY CHẾ</b>			
1.	Điều 2	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.</li> <li>Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng</li> </ol>	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành khác-<b>Ngân hàng</b> và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.</li> <li>Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng</li> </ol>	Bỏ chữ “khác” trong “Người điều hành khác” cho phù hợp với định nghĩa tại Điều lệ.
2.	Khoản 3 Điều 3	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p><b>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”):</b> là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng</p>	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p><del><b>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”):</b> là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng</del></p>	Bỏ do trong quy chế không dùng, tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ cũng bỏ khái niệm này.

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
3.	Điều 10 Điều 12, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42	Sửa từ “Người điều hành khác”	Thành “Người điều hành khác Ngân hàng”	Sửa đổi cho phù hợp với các định nghĩa tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ
4.	Điều 18	<b>Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của Pháp luật; c) Có bằng đại học trở lên; d) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có	<b>Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng <del>có</del> đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) <del>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng</del> Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc <del>đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del> b) <del>Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của Pháp luật;</del> b) Có bằng trình độ đại học trở lên;	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 48 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.</p> <p>f) Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.</p> <p>2. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, trừ các khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được</p>	<p>c) Có <b>một trong các điều kiện sau đây</b>: ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; <del>hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng;</del> <b>có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</b></p> <p>d) Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp <b>theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và trung thực.</b></p> <p><del>f) Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.</del></p> <p>2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a. Người điều hành Ngân hàng, trừ</p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>hường theo quy định:</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.</p>	<p>trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;</p> <p>b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</p> <p>3. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, trừ các khoản phụ cấp <del>thù lao</del> của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc <b>kiểm soát viên</b>, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d) <b>Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng</b> Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó;</p> <p>f) Thành viên độc lập HDQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			(i) Người điều hành Ngân hàng; (ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác; (iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác	
5.	Khoản 1 Điều 19	<b>Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>  1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên	<b>Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>  1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu <b>từ 5% đến trên 10%</b> đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% <b>tổng số cổ phần biểu quyết trở lên</b> được đề cử tối đa số ứng cử viên vào <b>Hội đồng quản trị phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB</b> đến dưới 60% được đề cử tối đa 05	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Điều 43 Điều lệ

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			(năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên	
6.	Điều 21	<p><b>Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp</p>	<p><b>Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p>	<p>Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Dự thảo Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		luật.	<p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
7.	Khoản 1, Khoản 2 Điều 22	<p><b>Điều 22. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT và được chấp thuận;</p> <p>c) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối với thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT;</p> <p>f) Bị rối loạn tâm thần và thành viên Hội</p>	<p><b>Điều 22. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. <b>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 21 Quy chế này,</b> Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT Ngân hàng và được chấp thuận;</p> <p>c) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối với thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của</p>	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>đồng quản trị khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Ngân hàng với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thành viên HĐQT;</p> <p><del>f) Bị rối loạn tâm thần và thành viên Hội đồng quản trị khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</del></p> <p><del>g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Ngân hàng với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;</del></p> <p><del>h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</del></p> <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p><b>b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 Quy chế này;</b></p> <p><b>c) Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</b></p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
8.	Điều 25	<b>Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</b>	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 67 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>1. Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>4. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng;</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>6. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;</p> <p>7. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>	<p>1. <b>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng</b> Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>3. Có bằng <b>trình độ</b> từ đại học trở lên về một trong các ngành <b>tài chính, ngân hàng</b>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>4. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng;</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>6. Có sức khỏe, có đạo đức nghề <b>nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà</b></p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			nước và trung thực; 7. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm-Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của pháp luật.	
9.	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 8 Điều 28	<b>Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b> 1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng; b) Mất năng lực hành vi dân sự, chết; c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt; d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt; e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;	<b>Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b> 1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng; b) Mất năng lực hành vi dân sự, Chết; c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt; d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và được chấp thuận;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</p> <p>c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p>	<p><del>Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</del></p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p><del>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</del></p> <p><b>2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm</b> Thành viên Ban kiểm soát <del>bị miễn nhiệm</del> khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><del>a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</del></p> <p><del>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và được chấp thuận;</del></p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><del>d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật.</del></p> <p><b>3. Đại hội cổ đông bãi nhiệm</b> Thành viên Ban kiểm soát <del>bị bãi nhiệm</del> khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc</p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và <del>nghĩa-vụ</del><b>nhệm vụ</b> của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</p> <p>c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p><b>d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;</b></p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát <b>có số thành viên ít hơn</b> hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát <b>tối thiểu</b> theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, và <b>trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu</b>, Ngân</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<b>hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.</b>	
10	Khoản 1 Điều 29	<b>Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</b>  1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau: a) Ủy ban quản lý rủi ro; b) Ủy ban nhân sự; c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.  Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	<b>Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</b>  1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau: a) Ủy ban quản lý rủi ro; b) Ủy ban nhân sự; c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.  <del>Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</del>	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 53 Dự thảo Điều lệ sửa đổi
11	Khoản 1 Điều 32	<b>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành</b>  1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây: a) Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;  b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;  c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác, nằm trong quy hoạch nguồn cán bộ của Ngân	<b>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành</b>  1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây: a) Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;  b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;  c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác, nằm trong quy hoạch nguồn cán bộ của Ngân	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 59, 67 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>hàng;</p> <p>d) Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;</p> <p>e) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;</p> <p>f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và trung thực.</p> <p>h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</p>	<p>hàng;</p> <p>d) Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;</p> <p>e) Có bằng <b>trình độ từ</b> đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;</p> <p>f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và <b>trung thực</b>.</p> <p>h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ</p>	
12	Khoản 2, khoản 3 Điều 32	<p><b>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành</b></p> <p>2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành</b></p> <p>2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) <b>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng Có</b></p>	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 56, Điều 57, Điều 59, Dự thảo Điều lệ sửa đổi



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;</p> <p>e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này;</p>	<p><del>đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p><del>b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</del></p> <p>b) Có bằng <b>trình độ</b> từ đại học trở lên về một trong các ngành <b>tài chính, ngân hàng</b>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <b>kế toán, kiểm toán</b>;</p> <p>c) Có <b>một trong các điều kiện sau đây</b>: ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; <del>hoặc</del> có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; <del>hoặc</del> có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Có sức khoẻ, có đạo đức nghề <b>ng nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và trung thực</b>;</p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.</p> <p>4. Tổng Giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân</p>	<p>e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) <b>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng</b> <del>Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này;</del></p> <p>b) <del>Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</del></p> <p>b) Có một trong các điều kiện sau đây: có bằng trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành <b>tài chính, ngân hàng</b>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <b>kế toán, kiểm toán</b> hoặc <b>ngành khác thuộc</b> lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ <b>từ</b> đại học trở lên về <b>ngành khác</b> ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>c) <b>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian</b></p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>hàng.</p> <p>5. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác</p>	<p><b>đương nhiệm;</b></p> <p><b>d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>4. Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.</p> <p>5. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là</p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p>người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</p> <p>b) <del>Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác</del></p>	
13	Điều 34	<p><b>Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành</b></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác Ngân hàng <b>không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này</b> theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p>	<p><b>Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành</b></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác <b>Ngân hàng không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này</b> Ngân hàng không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với Khoản 1 Điều 34 dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ
14	Điều 35	<p><b>Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các</p>	<p><b>Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các</p>	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 60 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>trường hợp sau:</p> <p>a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>b) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.</p> <p>c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.</p> <p>3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm c khoản 2 Điều này khi có ít</p>	<p>trường hợp sau:</p> <p>a) <b>Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 Điều lệ Ngân hàng.</b></p> <p>b) <b>Mất năng lực hành vi dân sự, eChết.</b></p> <p><b>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.</b></p> <p><b>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.</b></p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p> <p><del>h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</del></p> <p>2. <b>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong</b></p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p> <p>4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.</p>	<p>các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng.</p> <p>c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>d) Các trường hợp <b>miễn nhiệm</b> khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.</p> <p>3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm b khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, <b>đự hợp</b> bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p> <p><b>4. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 59 Điều lệ.</b></p> <p>5. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng có văn bản <b>kèm tài liệu liên</b></p>	





STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p><del>quan báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc</del></p>	

**NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội  
Mã số Doanh nghiệp: 0100112437

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN**  
**KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;*  
*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*  
*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*  
*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;*  
*Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB),*

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB như sau:

**1. Sự cần thiết của việc ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên ngày 23/04/2021 và được Ban kiểm soát ban hành theo Quyết định 666/QĐ-VCB-BKS ngày 23/04/2021.

Luật Các tổ chức tín dụng gần nhất số 32/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có nhiều sửa đổi, bổ sung so với Luật Các tổ chức tín dụng ban hành năm 2010; trong đó một số nội dung có ảnh hưởng tới quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát ngân hàng.

Do đó, để đảm bảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB phù hợp, cập nhật với các quy định mới của pháp luật có liên quan, việc

sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB hiện hành là cần thiết.

## **2. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB**

Trên cơ sở các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan, Ban kiểm soát đã thực hiện rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và dự thảo toàn văn văn bản thay thế theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

(i) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB như nêu tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này và dự thảo thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm;

(ii) Giao Ban kiểm soát thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VCB với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.

Kính trình./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lại Hữu Phước**

DỰ THẢO



**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-BKS ngày tháng năm  
2024 của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Số: /QD-VCB-BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát  
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

### BAN KIỂM SOÁT

#### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số [ ]/NQ-ĐHĐCĐ ngày [ ];

Căn cứ Nghị quyết số [ ] ngày [ ] của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 666/QĐ-VCB-BKS ngày 23/04/2021 của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại

cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**  
**NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

---

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-BKS ngày tháng năm 2024  
của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam)*

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ.....	1
Điều 4. Áp dụng văn bản.....	2

## CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### MỤC I – CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát.....	3
Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.....	3
Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát.....	6
Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát.....	9
Điều 10. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát.....	9
Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 13. Các bộ phận thuộc Ban kiểm soát.....	11
Điều 14. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.....	12

### MỤC II – HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát.....	12
Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 17. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát.....	13
Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát.....	14
Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát.....	16

### MỤC III – CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin.....	16
Điều 21. Bảo mật thông tin.....	17
Điều 22. Mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát.....	17
Điều 23. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên..	19
Điều 24. Khen thưởng và kỷ luật.....	19

### CHƯƠNG III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	20
Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp.....	20
Điều 27. Tổ chức thực hiện.....	20



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-BKS ngày tháng năm 2024  
của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình làm việc và mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam .

2. Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

3. Cá nhân, đơn vị có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ**

1. Các từ viết tắt:

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Ban điều hành: Ban điều hành Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Người quản lý Ngân hàng: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Người điều hành Ngân hàng: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng: bao gồm các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, các đơn vị trực thuộc và công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Luật Các tổ chức tín dụng: Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024.

- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.

- Ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa tại Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

#### **Điều 4. Áp dụng văn bản**

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì áp dụng các quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ và quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và quy định mới của pháp luật.

**CHƯƠNG II**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**  
**MỤC I – CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật; số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Ban kiểm soát có Phòng Kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc là Phòng Giám sát hoạt động để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

**Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.

3. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của các chức danh chuyên gia, kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với chuyên gia, kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.

6. Giám sát đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng, bao gồm:

a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.

b) Giám sát Phòng Kiểm toán nội bộ trong việc:

(i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;

(ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;

(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

7. Giám sát thực trạng tài chính; thẩm định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định một số báo cáo sau:

(i) Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

(ii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng Giám đốc;

(iii) Báo cáo tình hình kinh doanh.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

8. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

9. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

10. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

(i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng.

13. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

14. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng.

ng nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ sau khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng.

15. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.

16. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

17. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.

19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

20. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 9, 14, 18 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, Người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

21. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát**

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 6 Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.

8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

11. Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b) Bầu Trưởng Ban kiểm soát.

c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

d) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

e) Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

f) Yêu cầu Người quản lý Ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.

g) Yêu cầu Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

h) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.

i) Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

j) Có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

k) Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan, cung cấp, công bố công khai thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.

c) Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Các giao dịch này phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

d) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty mà thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;



b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát là thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

**Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát**

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.

4. Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

**Điều 10. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát**

1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;

2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;

3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;

4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;

5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:

a) Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung công việc;

b) Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc.

**Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

1. Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng; người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

**Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được là thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc trường hợp cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b) Chết.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Trừ trường hợp thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng.

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. Trong trường hợp thiếu thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

6. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ) làm Trưởng Ban kiểm soát.

7. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ.

8. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

9. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

### **Điều 13. Các bộ phận thuộc Ban kiểm soát**

1. Phòng Giám sát hoạt động: là đơn vị thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.

2. Phòng Kiểm toán nội bộ: là đơn vị thuộc Ban kiểm soát, thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.

#### **Điều 14. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Chi phí hoạt động (chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập) của thành viên Ban kiểm soát được Ngân hàng thanh toán theo quy định.

3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

### **MỤC II – HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 15. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được phân công phụ trách mảng công việc nào thì thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến đối với các mảng công việc đó.

3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

#### **Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát hoặc một thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền bởi Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.

3. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất,

cấp bách của Ngân hàng. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Thống đốc Ngân hàng nhà nước.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- c) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Trưởng Ban kiểm soát.
- e) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.
- f) Tổng Giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, e, f của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, thông báo Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Các cuộc họp Ban kiểm soát tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng.

#### **Điều 17. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát**

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát và bộ phận giúp việc chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt (trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm) và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát, phiếu biểu quyết của các thành viên Ban kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát chấp thuận.

4. Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp lần hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét về thành phần và tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền biểu quyết cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền dự họp có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết. Trường hợp người được ủy quyền dự họp không phải là thành viên Ban kiểm soát thì người đó không được biểu quyết.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 75 Điều lệ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm

cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

6. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

7. Trường Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, cán bộ thuộc Ban kiểm soát chuẩn bị phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

9. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến.

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.

g) Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

#### **Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về

tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và ký tên vào biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ theo quy định nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

### **MỤC III – CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin**

1. Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.

b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.

c) Các thông tin tài chính; các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các thông tin khác; các biên bản họp và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về công tác quản lý, điều hành và thực trạng tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

3. Nếu một thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban kiểm soát có liên quan.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm



làm việc của Người quản lý Ngân hàng và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 21. Bảo mật thông tin**

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu Ngân hàng và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Ngân hàng, hoặc các thông tin mà Ngân hàng chưa công bố ra bên ngoài.

3. Sau khi hết nhiệm kỳ hoặc đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban kiểm soát vẫn có nghĩa vụ bảo mật thông tin theo các quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng (trừ trường hợp các thông tin mật đã được Ngân hàng công bố công khai).

4. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

#### **Điều 22. Mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát**

1. Mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và cổ đông:

a) Ban kiểm soát thực hiện chế độ gửi báo cáo đối với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Ban kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ.

c) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ.

2. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ, quy định quản trị nội bộ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

b) Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát/Phòng Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.

d) Ban kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm toán và những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị (nếu có), Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

e) Ban kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ. Hội đồng quản trị đảm bảo Ban kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này.

f) Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng cổ đông.

### 3. Mối quan hệ với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng:

a) Tổng Giám đốc phối hợp với Ban kiểm soát/Phòng Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc.

b) Tổng Giám đốc chỉ đạo bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro của Ngân hàng cho Ban kiểm soát/Phòng Kiểm toán nội bộ để phục vụ việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.

c) Ban điều hành đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ, quy định quản trị nội bộ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

d) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng mời Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác.

e) Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này, quy định quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến thực trạng tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

f) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng phải báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.

g) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có), báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

h) Ban điều hành tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Ngân hàng.

#### 4. Mối quan hệ với các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng:

a) Các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

b) Lãnh đạo các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát; báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát theo đúng thời gian quy định.

c) Các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng thực hiện cơ chế phối hợp trong quá trình hoạt động với Ban kiểm soát theo các quy định nội bộ của Ngân hàng.

#### **Điều 23. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

#### **Điều 24. Khen thưởng và kỷ luật**

Việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật thành viên Ban kiểm soát, cán bộ thuộc Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Ban kiểm soát xem xét, đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 41, 42 và 43 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời gian được bầu, bổ nhiệm.

2. Trường hợp Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

## **Điều 27. Tổ chức thực hiện**

Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Kèm theo Tờ trình của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông)*

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
<b>A</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH – CĂN CỨ</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;</li> <li>- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng;</li> <li>- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-DHDCĐ ngày 23/04/2021;</li> <li>- Căn cứ Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-DHDCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;</li> <li>- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;</li> <li>- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số [...] ngày [...];</li> <li>- Căn cứ Nghị quyết số [...] ngày [...] của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chính sửa</b> căn cứ văn bản Luật Các Tổ chức tín dụng mới ban hành năm 2024 (Luật TCTD 2024) ban hành thay thế Luật Các Tổ chức tín dụng ban hành năm 2010 (Luật TCTD 2010).</li> <li>- <b>Cập nhật</b> thông tin về Điều lệ và Nghị quyết DHDCĐ khi văn bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</li> </ul>
<b>B</b>	<b>NỘI DUNG QUY CHẾ</b>		



TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
1.	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>2. Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>2. Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p>	<p>- Bỏ "Giám đốc Khối" do theo quy định tại Điều lệ VCB, Giám đốc khối là Thành viên Ban điều hành.</p> <p>- Chính sửa đổi tượng áp dụng "Công ty con 100% vốn" thành "Công ty con" do công ty con dưới 100% vốn cũng thuộc đối tượng Ban kiểm soát (BKS) phải thực hiện kiểm tra, kiểm toán, giám sát.</p>
2.	<b>Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ</b>	<b>Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ</b>	
	<p>1. Các từ viết tắt:</p> <p>- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Ban điều hành: Ban điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p>	<p>1. Các từ viết tắt:</p> <p>- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Ban điều hành: Ban điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng: bao gồm các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, các đơn vị trực thuộc và công ty con của Ngân hàng</p>	<p><b>Bổ sung</b> một số từ viết tắt: "Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng", "Luật Các Tổ chức tín dụng", "Luật Doanh nghiệp", "Người điều hành Ngân hàng", "Người quản lý Ngân hàng" để làm rõ thông tin.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>- Điều lệ Ngân hàng: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>2. Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa tại Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p>	<p><b>Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</b></p> <p>- <b>Điều lệ:</b> Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- <b>Luật Các Tổ chức tín dụng: Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024.</b></p> <p>- <b>Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.</b></p> <p>- Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p> <p>- <b>Người điều hành Ngân hàng: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</b></p> <p>- <b>Người quản lý Ngân hàng: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</b></p> <p>- Quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</p>	

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		2. Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa tại Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	
3.	<b>Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát</b>	
	<p>1. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật, số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số quá bán. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy</p>	<p>1. Ban kiểm soát có <b>tối thiểu 05 (năm) thành viên</b>, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật; số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và <del>có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</del> Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc <b>đa số quá bán</b>. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p>3. Ban kiểm soát có <b>Phòng kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc là Phòng Giám sát hoạt động</b>, <del>được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được</del></p>	<p>- <b>Chỉnh sửa</b> về số lượng thành viên BKS là <i>“tối thiểu 05 thành viên”</i> để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 51 Luật TCTD 2024.</p> <p><b>Bổ quy định</b> phải <i>“có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác”</i> do khoản 2 Điều 51 Luật TCTD 2024 đã bỏ quy định này so với Luật TCTD 2010 và Luật DN 2020 không quy định nội dung này.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> nguyên tắc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát từ <i>“đa số quá bán”</i> thành <i>“đa số”</i> theo quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- <b>Làm rõ</b> về bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc của BKS. <b>Chuyển</b> quy định về việc BKS</p>



TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p>3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, <i>được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</i></p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát <b>không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu</b> theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên <b>ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 1 Điều này và quy định tại Điều lệ Ngân hàng</b>, trong thời hạn không quá <b>15 (mười lăm)</b> ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát <b>tối thiểu</b> theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát <b>trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.</b></p>	<p><i>“được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài”</i> tại Điều 5 sang Điều 6 (Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS) trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 51 và khoản 3 Điều 52 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Bổ</b> quy định “Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế” do Điều lệ không quy định nội dung này.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> về trường hợp BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên BKS để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 51 và khoản 8 Điều 210 Luật TCTD 2024.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QD 666/QD-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
4.	<b>Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b>	
	<p>1. Giám sát việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định.</p> <p>3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, <b>các chính sách quan trọng về kế toán</b> và báo cáo.</p> <p>4. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với các chức danh kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ</p>	<p>1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao <b>theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ.</b></p> <p><del>2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định.</del></p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, <b>quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán</b>, báo cáo.</p> <p>3. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của các chức danh chuyên gia, kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với chuyên gia, kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p>- <b>Chỉnh sửa khoản 1 Điều 6</b> trên cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật TCTD 2024 và Điều lệ VCB, đảm bảo phù hợp với quy định về quyền, nghĩa vụ của BKS tại Điều 170.1 Luật DN 2020 và khoản 3 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- <b>Bổ</b> nhiệm vụ, quyền hạn của BKS về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS do tại Điều 5 Dự thảo đã có quy định “Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số”. Theo đó sắp xếp lại số thứ tự các khoản cho phù hợp.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> khoản 3,5 Điều 6 Quy chế BKS hiện hành (Dự thảo mới là khoản 2,4 Điều 6) trên cơ sở quy định tại khoản 2, 3 Điều 52 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Bổ sung</b> tại khoản 4 Điều 6 Quy chế BKS hiện hành (Dự thảo mới là khoản 3 Điều 6) về nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong việc quy định tiêu chuẩn và giao nhiệm vụ đối với</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>5. <b>Thực hiện chức năng</b> kiểm toán nội bộ: có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.</p> <p>7. Giám sát đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng, bao gồm:</p> <p>(a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.</p> <p>(b) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc:</p> <p>(i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;</p> <p>(ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;</p> <p>(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế</p>	<p><b>4. Tổ chức thực hiện</b> kiểm toán nội bộ: có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; <b>được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</b></p> <p>5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.</p> <p>6. Giám sát đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng, bao gồm:</p> <p>a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.</p> <p>b) Giám sát <b>Phòng</b> kiểm toán nội bộ trong việc:</p> <p>(i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;</p> <p>(ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;</p> <p>(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan</p>	<p>đối tượng chuyên gia thuộc Ban kiểm soát.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.</p> <p>8. Thẩm định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định một số báo cáo sau:</p> <p>(i) Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>(ii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng Giám đốc;</p> <p>(iii) Báo cáo tình hình kinh doanh.</p> <p>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của</p>	<p>chức năng khác.</p> <p>7. <b>Giám sát thực trạng tài chính;</b> thẩm định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định một số báo cáo sau:</p> <p>(i) Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>(ii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng Giám đốc;</p> <p>(iii) Báo cáo tình hình kinh doanh.</p> <p>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. <b>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</b></p> <p>9. <b>Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII Luật Các Tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</b></p> <p>10. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng</p>	<p>- <b>Bổ sung</b> nhiệm vụ của BKS là “<i>Giám sát thực trạng tài chính</i>” để đầy đủ theo quy định tại Khoản 4 Điều 52 Luật TCTD 2024 và khoản 3 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- <b>Bổ sung quy định mới (khoản 8,9 Dự thảo sửa đổi)</b> theo khoản 5,6 Điều 52 Luật TCTD 2024.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QD 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>11. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>12. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>13. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi</p>	<p>quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc <b>trong các trường hợp sau đây</b>:</p> <p>i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p>- <b>Bổ sung</b> trường hợp BKS được kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; chỉnh sửa từ ngữ và trình bày như quy định tại Khoản 7 Điều 52 Luật TCTD 2024.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>tám) giờ sau khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm <b>quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan</b>; yêu cầu người <i>có hành vi</i> vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.</p> <p>14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.</p> <p>15. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và <b>cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết</b> của Ngân hàng.</p> <p>16. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường</p>	<p>13. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông <del>có</del> biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>14. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho <b>Đại hội đồng cổ đông</b>. Hội đồng quản trị <del>trong vòng 48 (bốn mươi tám)</del> giờ sau khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, <b>Người điều hành</b> Ngân hàng có hành vi vi phạm <b>pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</b>; yêu cầu người <del>có hành vi</del> vi phạm chấm dứt <b>ngay hành vi</b> vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). <b>Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ sau khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng.</b></p> <p>15. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.</p> <p>16. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách <b>cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên</b>, Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng</p>	<p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> khoản 13 Điều 6 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 14 Điều 6 Dự thảo sửa đổi) để đầy đủ, phù hợp với các quy định của Luật TCTD 2024, Luật DN 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP<sup>1</sup> và dự thảo Điều lệ của VCB.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> khoản 15 Điều 6 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 16 Điều 6 Dự thảo sửa đổi) về nhiệm vụ lập, lưu giữ, cập nhật danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và Người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ</p>

<sup>1</sup> Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</p> <p>19. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p><b>Giám đốc và cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</b></p> <p>17. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p> <p>18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.</p> <p>19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>20. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 9,14,18 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, Người có liên quan theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng.</b></p> <p>21. Các Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p>trở lên theo quy định mới tại Khoản 9 Điều 52 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Bổ sung quy định mới</b> (khoản 20 Điều 6 Dự thảo sửa đổi) về việc báo cáo hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 13 Điều 52 Luật TCTD 2024.</p> <p>- Chính sửa khoản 19 Điều 6 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 21 Điều 6 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại Điều lệ sửa đổi.</p>
5.	<b>Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</b>	Chính sửa tiêu đề cho phù hợp với quy định tại Luật TCTD



TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 6 Quy chế này.</p> <p>2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</p> <p>3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</p> <p>4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.</p> <p>5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các</p>	<p>1. Tổ chức <del>triển khai</del> thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 6 Quy chế này <b>và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</b></p> <p>2. <del>Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; Triệu tập và</del> làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</p> <p>3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</p> <p>4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.</p> <p>5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, <b>có quyền</b> phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản <b>cuộc</b> họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ <b>cụ thể</b> cho từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát</p>	<p>- <b>Chỉnh sửa</b> khoản 1 Điều 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Luật TCTD 2024: Bỏ cụm từ “<i>triển khai</i>”, bổ sung quy định về việc Trưởng BKS “<i>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình</i>”.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> khoản 2,5,6,7,8,10,11 Điều 7 theo quy định tại Khoản 2,5,6,7,8,10,11 Điều 53 Luật TCTD 2024.</p>





TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát <b>thực hiện nhiệm vụ của mình</b> trong thời gian vắng mặt.</p> <p>11. Thực hiện <b>nhiệm vụ và quyền hạn</b> khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định của pháp luật.</p>	<p>phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>10. <b>Chỉ được</b> ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát <b>thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</b> trong thời gian vắng mặt <b>hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <p>11. Thực hiện <b>quyền, nghĩa vụ</b> khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định của pháp luật.</p>	
6.	<b>Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</b>	Chỉnh sửa tiêu đề cho phù hợp với quy định tại Luật TCTD
	<p>1. Các thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</p> <p>b) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>c) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>d) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị</p>	<p>1. Các thành viên Ban kiểm soát có <del>nhiệm vụ và quyền hạn</del> quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tuân thủ <del>quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và</del> <b>thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b> một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; <b>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</b></p> <p><b>b) Bầu Trưởng Ban kiểm soát.</b></p> <p>c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p>	<p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy chế BKS hiện hành trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Bổ sung quy định mới</b> (điểm b khoản 1 Điều 8 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 54 Luật TCTD 2024 và quy định tại Dự thảo sửa đổi Điều lệ VCB.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QD 666/QD-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>e) Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>f) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>g) Định kỳ báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về tình hình và kết quả kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công. Báo cáo ngay Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>h) Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>i) Có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>j) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định của pháp luật.</p>	<p>d) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường <b>hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường</b> theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.</p> <p><del>d) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</del></p> <p>e) Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p><b>f) Yêu cầu Người quản lý Ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.</b></p> <p>g) <del>Được quyền</del> Yêu cầu Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>h) Định kỳ báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về tình hình và kết quả kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công. Báo cáo ngay Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường <b>của Ngân hàng</b> và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.</p>	<p>- <b>Gộp</b> nội dung điểm c,d khoản 1 Điều 8 Quy chế BKS hiện hành thành 1 điểm mới.</p> <p>- <b>Bổ sung quy định mới</b> (điểm f khoản 1 Điều 8 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại Khoản 5 Điều 54 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> điểm f khoản 1 Điều 8 Quy chế BKS hiện hành (tức điểm g khoản 1 Điều 8 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại Khoản 6 Điều 54 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> điểm g khoản 1 Điều 8 Quy chế BKS hiện hành (tức điểm h khoản 1 Điều 8 Dự thảo sửa đổi) để phù hợp với khoản 7 Điều 54 Luật TCTD 2024.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		i) Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó. j) Có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. k) Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và quy định của pháp luật.	
	2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau: a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan. b) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. c) Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Các giao dịch này phải được	2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau: a) Công khai các lợi ích liên quan, <b>cung cấp, công bố công khai thông tin</b> theo quy định của <b>Luật Doanh nghiệp</b> , Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan. b) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan <del>không</del> <b>chỉ</b> được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để <del>tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân</del> <b>khác Ngân hàng</b> . c) Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo <b>bằng văn bản</b> cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Các giao dịch này phải được công bố thông tin theo quy định của pháp	- <b>Chỉnh sửa</b> điểm a khoản 2 Điều 8 để đầy đủ theo Điều 49 Luật TCTD 2024, Điều 164 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. - <b>Chỉnh sửa, diễn đạt lại</b> nội dung tại điểm b,d khoản 2 Điều 8; bổ sung quy định về phương thức thông báo "bằng văn bản" tại điểm c khoản 2 Điều 8 Quy chế BKS trên cơ sở quy định tại Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>d) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>d) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan <b>của thành viên Ban kiểm soát</b> không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác <b>các thông tin nội bộ</b> để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
	<p>3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.</p>	<p>3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó <b>mà thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) người quản lý công ty</b> trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát là thành viên hội đồng quản trị, <b>tổng giám đốc (tổng giám đốc)</b> hoặc cổ đông lớn.</p>	<p><b>Chỉnh sửa</b> nội dung tại khoản 3 Điều 8 về trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của TV BKS trên cơ sở quy định tại Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
7.	<b>Điều 9 - Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 9 - Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát</b>	
	1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm	1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản	- <b>Bổ</b> quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành do nội dung

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QD 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng.</p> <p>3. Có sức khoẻ đáp ứng được yêu cầu công việc theo quy định của Ngân hàng, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.</p> <p>4. Có <b>bằng đại học</b> trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.</p> <p>5. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.</p> <p>6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng.</p> <p>7. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó.</p> <p><b>8. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách</b> phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>9. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định</p>	<p><del>lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</del></p> <p>1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 42</b> của Luật Các tổ chức tín dụng và <del>các quy định của pháp luật về ngân hàng.</del></p> <p>2. Có <b>trình độ từ đại học</b> trở lên về một trong các ngành <b>tài chính, ngân hàng</b>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc, kiểm toán.</p> <p>3. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.</p> <p>4. Có sức khoẻ đáp ứng được yêu cầu công việc theo quy định của Ngân hàng, trung thực, có đạo đức nghề nghiệp <b>theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p><del>6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng.</del></p> <p>5. Không là thành viên hay nhân viên của <del>công ty tổ chức</del> kiểm toán <b>độc lập được chấp thuận</b> thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>6. <b>Trưởng Ban kiểm soát</b> phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>7. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại <del>Điều lệ và quy định của pháp luật.</del></p>	<p>này không được quy định tại Luật TCTD 2024; tại Điều 9 đã quy định Trưởng BKS, thành viên khác của BKS có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>- <b>Bổ</b> quy định tại khoản 6 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành do Điều 11 Dự thảo sửa đổi đã quy định thành viên BKS không được là nhân viên của Ngân hàng.</p> <p>Sắp xếp lại thứ tự các khoản cho phù hợp.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> khoản 2 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 1 Điều 9 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 1 Điều 41 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> khoản 3 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 4 Điều 9 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại điểm a khoản 3 và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật TCTD 2024 và dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> khoản 4 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 2 Điều 9 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	của pháp luật.		<p>quy định tại điểm b khoản 3 Điều 41 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa từ ngữ</b> tại khoản 7 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 5 Điều 9 Dự thảo sửa đổi) trên cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> khoản 8 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành (tức khoản 7 Điều 9 Dự thảo sửa đổi) theo quy định mới tại điểm d khoản 3 Điều 41 Luật TCTD 2024 (điều kiện cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm chỉ áp dụng với Trưởng BKS).</p> <p>- <b>Bỏ</b> khoản 9 Điều 9 Quy chế BKS hiện hành để phù hợp với quy định tại Dự thảo Điều lệ.</p>
8.	<b>Điều 11 - Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 11 - Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát</b>	Chỉnh sửa tên Điều 11 cho phù hợp nội dung văn bản
	Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác và không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ khác quy định tại khoản 2 Điều này.	<del>Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác và không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ khác quy định tại khoản 2 Điều này.</del>	<b>Chỉnh sửa</b> quy định về các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ đối với TV BKS tại Điều 11 Quy chế BKS hiện hành trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật TCTD

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.</p>	<p>Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, <b>trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:</b></p> <p>1. Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng; người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</p>	2024.
9.	<b>Điều 12 - Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 12 - Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b>	
	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) <b>Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</b></p> <p>b) Chết, mất năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thuộc một trong các trường hợp không được là thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều 42 của Luật Các Tổ chức tín dụng hoặc trường hợp cá nhân không có quyền thành lập và quản lý</p>	<p>- <b>Chính sửa</b> điểm a khoản 1 Điều 12 trên cơ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 Luật TCTD 2024 và khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- <b>Bổ</b> trường hợp thành viên BKS bị mất tư cách do mất năng lực hành vi</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.</p> <p>d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>f) Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Chết, mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>f) Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>dân sự tại điểm b khoản 1 Điều 12 do Luật TCTD 2024 đã bỏ nội dung này so với Luật TCTD 2010 và “mất năng lực hành vi dân sự” thuộc trường hợp không được là thành viên BKS theo Luật TCTD và nội dung này đã được tham chiếu ở điểm a Khoản 1 Điều 12 Quy chế.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa, diễn đạt lại</b> điểm c,d Khoản 1 Điều 12 theo quy định tại điểm b,c khoản 1 Điều 45 Luật TCTD 2024.</p>
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng và được chấp thuận theo quy định tại Khoản 8 Điều này.</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p>	<p>2. Trừ trường hợp thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><del>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</del></p> <p><del>a) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng và được chấp thuận theo quy định tại Khoản 8 Điều này.</del></p> <p>b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><del>c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</del></p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Trưởng Ban</p>	<p><b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> để phù hợp với khoản 1 Điều 46 Luật TCTD 2024:</p> <p>- Bỏ quy định về trường hợp miễn nhiệm khi TV BKS “bị hạn chế năng lực hành vi dân sự” tại khoản 2 Điều 12 do Luật TCTD 2024 đã bỏ nội dung này. “hạn chế năng lực hành vi dân sự” thuộc trường hợp không được là thành viên BKS theo Luật TCTD, theo đó thuộc trường hợp bãi nhiệm theo Luật TCTD 2024.</p> <p>- Chỉnh sửa trường hợp miễn nhiệm TV BKS khi có đơn từ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46</p>



TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và <b>nhiệm</b> vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nghiêm trọng <b>hoặc</b> vi phạm nhiều lần nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo <b>quy định của pháp luật</b> và Điều lệ.</p> <p>d) <b>Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;</b></p> <p>e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><del>f) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</del></p>	<p>Luật TCTD 2024.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung quy định về trường hợp miễn nhiệm TV BKS theo quyết định của DHDCD căn cứ trên cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Luật TCTD 2024 và Dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB.</li> <li>- Bổ sung trường hợp bãi nhiệm khi TV BKS không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng trên cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 Luật TCTD 2024.</li> <li>- Bổ quy định về trường hợp miễn nhiệm và bãi nhiệm khác trên cơ sở quy định tại Dự thảo Điều lệ.</li> <li>- Chính sửa diễn đạt và sắp xếp lại thứ tự các khoản mục cho phù hợp.</li> </ul>
	<p>4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, <b>thành viên Ban kiểm soát</b> vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, <b>Trưởng Ban kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát</b> vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Chính sửa diễn đạt</p>
<p>10.</p>	<p><b>Điều 13 - Nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 13 - Các bộ phận thuộc Ban kiểm soát</b></p>	<p>Chính sửa tên Điều 13 để phù hợp với nội dung được trình bày tại Điều này</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>1. Bộ phận giúp việc Ban kiểm soát: giúp Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>2. Bộ phận kiểm toán nội bộ: thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p>1. Phòng Giám sát hoạt động: là đơn vị thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Phòng kiểm toán nội bộ: là đơn vị thuộc Ban kiểm soát, thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.</p>	<p><b>Chỉnh sửa</b> Điều 13 để làm rõ về các bộ phận thuộc Ban kiểm soát (Phòng KToNB, Phòng GSHD) và nhiệm vụ của các bộ phận.</p>
11.	<b>Điều 20 - Quyền được cung cấp thông tin</b>	<b>Điều 20 - Quyền được cung cấp thông tin</b>	
	<p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về công tác quản lý, điều hành và thực trạng tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>	<p>- <b>Bổ sung</b> tại khoản 2 Điều 20 Quy chế BKS về việc Người điều hành Ngân hàng cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng để phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 54 Luật TCTD 2024.</p> <p>- <b>Bổ sung</b> tại khoản 2 Điều 20 và khoản 3 Điều 22 Quy chế BKS về các thông tin, báo cáo cần cung cấp cho BKS, TV BKS để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật TCTD 2024.</p>
12.	<b>Điều 21 – Bảo mật thông tin</b>	<b>Điều 21 – Bảo mật thông tin</b>	
	<p>3. Sau khi hết nhiệm kỳ, thành viên Ban kiểm soát vẫn có nghĩa vụ bảo mật thông</p>	<p>3. Sau khi hết nhiệm kỳ hoặc đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo nghĩa vụ bảo mật thông tin của thành viên Ban</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	tin theo các quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng (trừ trường hợp các thông tin mật đã được Ngân hàng công bố công khai mà thời điểm Ngân hàng công bố là sau khi thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ).	kiểm soát vẫn có nghĩa vụ bảo mật thông tin theo các quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng (trừ trường hợp các thông tin mật đã được Ngân hàng công bố công khai mà thời điểm Ngân hàng công bố là sau khi thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ).	kiểm soát khi đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
13.	<b>Điều 22 - Các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 22 - Các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát</b>	
	<p>3. Mối quan hệ với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng: ...</p> <p>e) Ban điều hành và người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này, quy định quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>3. Mối quan hệ với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng: ...</p> <p>e) Ban điều hành và người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này, quy định quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến <b>thực trạng tài chính, hoạt động kinh doanh</b> của Ngân hàng, <b>kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng</b> theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, <b>thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát</b>.</p>	<b>Bổ sung</b> về các thông tin, báo cáo cần cung cấp cho BKS, thành viên BKS để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật TCTD 2024.
14.		<b>Điều 26 – Điều khoản chuyển tiếp</b>	<b>Bổ sung thêm Điều mới</b>
		1. Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật	Bổ sung thêm điều khoản chuyển tiếp trên cơ sở quy định về chuyển

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 666/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 41, 42 và 43 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời gian được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>3. Trường hợp Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>tiếp tại khoản 8 Điều 210 Luật TCTD 2024.</p>
15.	<b>Điều 26 – Tổ chức thực hiện</b>	<b>Điều 27 – Tổ chức thực hiện</b>	
	<p>Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	<p>Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	<p>- Bỏ “<i>Giám đốc Khối</i>” do theo Điều lệ của VCB hiện hành, Giám đốc khối thuộc Thành viên Ban điều hành.</p> <p>- Điều chỉnh đối tượng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế liên quan đến công ty con do điều chỉnh phạm vi áp dụng Quy chế.</p>

